

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2023.

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước Tỷ

2. Ông Phạm Duy Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2023/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXX-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Cẩm N, sinh năm 1985 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn H, sinh năm 1981 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Vĩnh Hưng, xã Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2023 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Cẩm N và anh Bùi Văn H (sau đây gọi tắt là chị N, anh H) tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 13/4/2005. Vợ chồng chung chị N, anh H sống được hơn 18 năm thì

phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Anh H thường xuyên uống rượu mỗi lần say rượu về nhà là kiếm chuyện gây sự, chửi mắng, dùng bạo lực đối với chị N. Sự việc cũng được chính quyền địa phương hàn gắn và nhiều lần chị cho anh H cơ hội sửa sai, nhưng anh H chứng nào tật nấy không thay đổi. Ngày 25/3/2023 anh H còn dùng cal xăng 05 lít đổ vào chân chị N gây bỏng nhẹ. Nhận thấy, chị N sống với anh H không còn hạnh phúc, tinh thần suy sụp nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị N, anh H có 01 người con chung tên Bùi Văn Thanh, sinh năm 2004 (đã trưởng thành), không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị N, anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận là trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, anh có uống rượu say về nhà là có chửi mắng chị N, có dùng bạo lực và đổ xăng vào chân chị N nhằm hăm dọa chứ không cố ý gây bỏng cho chị N. Sự việc đã xảy ra anh không cố ý nên anh không đồng ý ly hôn với chị N, để có thời gian anh sửa đổi và chăm lo bù đắp cho vợ và con.

Về con chung và chia tài sản chung: Anh H thống nhất với lời trình bày của chị N.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh H, do nhiều lần chị tha thứ cho anh H nhưng anh không thay đổi mà còn xảy ra nghiêm trọng hơn. Anh H dùng cal xăng 05 lít bên trong còn hơn 01 lít xăng đổ và bật lửa đốt vào chân chị trong khi chị đang tắm, gây bỏng nhẹ chân của chị. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không còn hạnh phúc.

Bị đơn anh H không đồng ý ly hôn với chị N, anh thống nhất với lời trình bày của chị nhưng có một việc không đúng là: Bên trong cal xăng 05 lít chỉ có khoảng $\frac{1}{4}$ lít xăng chứ không phải hơn 01 lít xăng như chị N trình bày. Sự việc xảy ra anh đã hối hận, anh không cố ý nên xin chị N cho anh thêm cơ hội để sửa sai và anh cố gắng làm ăn chăm lo bù đắp cho vợ và con; còn về con chung và chia tài sản chung thống nhất theo chị N, anh không ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm N với bị đơn anh Bùi Văn H là tranh chấp ly hôn. Cụ thể, chị N yêu cầu được ly hôn với anh H.

[2]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp. Tại phiên tòa chị N trình bày lý do xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Anh H thường uống rượu, khi say rượu về nhà là gây sự, ghen tuông vô cớ đối với chị N. Sự việc nhiều lần được gia đình hai bên và chính quyền địa phương động viên, hàn gắn nhưng anh H không sửa đổi và dẫn đến ngày 25/3/2023 anh H dùng cal xăng 05 lít bên trong còn khoảng hơn 01 lít xăng đổ vào chân chị N trong khi chị đang tắm trong cầu tắm và anh bật hột quẹt lửa (bật lửa) làm chị N bỏng chân nhẹ. Việc này, gây ảnh hưởng đến tâm lý, tinh thần của chị N bất an, nên ngày 05/3/2023 chị N phải về nhà của người thân sống, tại khu phố Minh Phú, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đến nay.

Tại đơn trình bày ngày 10/4/2023, cũng như tại phiên tòa bị đơn anh H trình bày: Chị N yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì còn thương vợ và con. Anh H thừa nhận là trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra cự cãi, một phần do bất đồng ý kiến từ kinh tế gia đình. Ngày 25/3/2023 vợ chồng có cự cãi nhau khoảng 30 phút, thì anh có dùng cal xăng 05 lít, bên trong có khoảng ¼ lít xăng, có bật lửa không mai làm chị N bỏng chân nhẹ. Mục đích anh đổ xăng vào chân chị N và bật lửa là nhằm hăm dọa chị chứ không cố ý đốt chị N bị bỏng chân. Sự việc xảy ra anh đã hối hận, xin chị N cho anh cơ hội để sửa sai.

Tại phiên tòa, HĐXX đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng chị Nhung kiên quyết xin ly hôn, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Nhung và anh Hảnh không còn. Mặt khác, vợ chồng chị Nhung, anh Hảnh đã ly thân từ ngày 25/3/2023 đến nay cả hai không có phương cách hàn gắn. Trình trạng hôn nhân của anh, chị cũng được chính quyền địa phương động viên, hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX thống nhất cho chị Nhung được ly hôn với anh Hảnh.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh H, chị N có 01 người con chung tên Bùi Văn Thanh, sinh năm 2004 (đã trưởng thành) không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

[4]. Về tài sản chung: Chị N, anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Nợ chung: Anh H, chị N xác định không có nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị nên HĐXX miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị N chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số: 0005843 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Cẩm N được ly hôn với anh Bùi Văn H.

2. Về con chung: Anh H, chị N có 01 người con chung Bùi Văn Thanh, sinh năm 2004 (trưởng thành).

3. Về tài sản chung: Chị N, anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Nợ chung: Anh H, chị N xác định không có nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Cẩm N chịu án phí là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số: 0005843 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Chị N đã nộp xong.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H.U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng